ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1563 /QĐ-SYT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Bệnh viện Nhi đồng thành phố

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 06073/SYT-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/2015 cho Bệnh viện Nhi đồng thành phố;

Xét hồ sơ ngày 19/10/2017 của Bệnh viện Nhi đồng thành phố về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật;

Xét biên bản ngày 02/11/2017 của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế thẩm định việc triển khai thí điểm kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố, địa chỉ số 15 đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP.HCM (danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NVY.
"NND, VHN"

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tăng Chí Thượng

Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt thực hiện tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố, địa chỉ số 15 đường Võ Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP.HCM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1563 /QĐ-SYT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Sở Y tế TP.HCM)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	25	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM	X	X		
		B. HÔ HẤP				
2	143	Thông khí nhân tạo với khí NO	X			

II. NỘI KHOA

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. HÔ HẤP				
3	36	Nội soi phế quản dưới gây mê	X	X		
4	45	Nội soi phế quản ống mềm	X	X		
5	54	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy	X	X		
		B. TIM MẠCH				
6	77	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim	X	X		
		VII. Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng				
7	606	Test kích thích với thuốc đường uống	X			
8	607	Test kích thích với sữa	X			
9	608	Test kích thích với thức ăn	X			
10	612	Đo FeNO	X	X		

III. NHI KHOA

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
11	9	Hạ thân nhiệt chủ động	X			
12	33	Đặt catheter động mạch rốn	X	X	X	
13	35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	X	X	X	
		B. HÔ HẤP				
14	54	Thở máy với tần số cao (HFO)	X	X		

15	55	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	X			
16	57	Nội soi khí phế quản cấp cứu	X	X		
17	58	Thở máy bằng xâm nhập	X	X		
18	82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	X	X		
		C. THẬN – LỌC MÁU				
19	114	Lọc máu liên tục (CRRT)	X	X		
20	116	Thay huyết tương	X	X		
		Đ. TIÊU HÓA				
21	154	Mở thông dạ dày bằng nội soi	X	X		
22	159	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	X	X		
23	161	Soi đại tràng sinh thiết	X	X		
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		C. THANH- PHẾ QUẢN				
24	1007	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản	X	X		
25	1012	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản	X	X		
		Đ. TIÊU HÓA- Ổ BỤNG				
26	1061	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	X	X		
27	1066	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	X	X		
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
28	1811	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	X	X		
29	1843	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng có sử dụng chốt chân răng bằng nhiều vật liệu khác nhau	X	X		
30	1861	Chụp thép	X	X		
31	1862	Chụp sứ kim loại thường	X	X		
32	1867	Cầu sứ kim loại thường	X	X		
33	1868	Cùi đúc kim loại thường	X	X		
34	18875	Chụp sứ Titanium	X	X		
35	1879	Cầu sứ Titanium	X	X		
36	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	X	X	X	
37	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	X	X	X	
38	1930	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	X	X	X	
39	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	X	X	X	
40	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	X	X	X	
41	1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	X	X	X	
42	1942	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	X	X	X	
43	1944	Điều trị tuỷ răng sữa	X	X	X	
44	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	X	X	X	X
45	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer	X	X	X	X
46	1955	Nhổ răng sữa	X	X	X	X
47	1956	Nhổ chân răng sữa	X	X	X	X
		B. HÀM MẶT				
48	2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	X	X	X	
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
49	2101	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	X	X		
50	2102	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm	X	X		

		D. CỔ - MẶT				
51	2205	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe quanh thực quản	X	X		
52	2212	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	X	X		
		XIII. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH- HÔ HẤP				
53	2275	Phá vách liên nhĩ	X			
		C. TIÊU HÓA				
54	2342	Sinh thiết gan bằng kim/ dụng cụ sinh thiết dưới siêu âm	X	X		
		D. THẬN- TIẾT NIỆU - LỌC MÁU				
55	2363	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm	X	X		
		XV.UNG BƯỚU NHI				
		M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU				
56	2793	Truyền hoá chất tĩnh mạch	X	X		
		XV. UNG BƯỚU - NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
57	2453	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết	x	x		
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
58	3052	Phẫu thuật phình động mạch não, dị dạng mạch não	x			
59	3065	Phẫu thuật thoát vị não và màng não	x	x		
60	3072	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng	x	x		
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC				
		3. Động tĩnh mạch				
61	3187	Phẫu thuật nối cửa - chủ	x			
		4. Ngực - phổi				
62	3228	Cắt 1 phổi	x	x		
63	3230	Cắt 1 thuỳ hay 1 phân thuỳ phổi	x	x		
64	3237	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu, thắt ống ngực	x	x		
65	3241	Bóc vỏ màng phổi kèm khâu lỗ dò phế quản trong ổ cặn màng phổi có dò phế quản.	x	x		
		C. TIÊU HÓA - BỤNG				
		1. THỰC QUẢN				
66	3269	Phẫu thuật nối thực quản ngay trong điều trị teo thực quản	x	x		
67	3273	Phẫu thuật điều trị hẹp thực quản	x	x		
68	3274	Phẫu thuật điều trị rò khí thực quản	x			
		3. RUỘT NON - RUỘT GIÀ				
69	3299	Phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	x			
70	3301	Phẫu thuật điều trị tắc tá tràng bẩm sinh	x	x		
71	3326	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	x	x		
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY				
		2. MẬT				
72	3428	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x	x		
		3. LÁCH - TỤY				
73	3461	Cắt lách bán phần do chấn thương	x	x		
74	3463	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	x	x		
75	3302	Phẫu thuật điều trị teo ruột	x	x		
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				

		2. VAI				
76	3645	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ	x	x		
77	3649	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	x	x		
		3. CẲNG, CÁNH TAY				
78	3656	Phẫu thuật kết hợp xương không mở ổ gãy dưới C Arm	x			
79	3661	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	x	x		
80	3672	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	x	x		
		5. HÔNG, ĐÙI				
81	3713	Phẫu thuật điều trị trật khớp háng bẩm sinh	x			
82	3730	Phẫu thuật trật khớp háng	x	x		
83	3737	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	x	x		
84	3738	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	x	x		
85	3740	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	x	x		
86	3741	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn	x	x		
		7. CẲNG CHÂN				
87	3759	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	x	x		
88	3760	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	x	x		
89	3761	Phẫu thuật chân chữ O	x	x		
90	3762	Phẫu thuật chân chữ X	x	x		
91	3763	Phẫu thuật co gân Achille	x	x		
		8. CỔ CHÂN, BÀN CHÂN, NGÓN CHÂN				
92	3784	Phẫu thuật điều trị bàn chân lồi- xoay ngoài	x			
		10. NẮN - BÓ BỘT				
93	3831	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	x	x		
94	3832	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
95	3833	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
96	3834	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	x	x		
97	3835	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
98	3836	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
99	3839	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
100	3841	Nắn, bó bột gẫy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x	x	
101	3842	Nắn, bó bột gẫy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x	x	
102	3843	Nắn, bó bột gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x	x	
103	3844	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
104	3845	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	x	x	x	
105	3849	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	x	x	x	
106	3850	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	x	x	x	
107	3851	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	x	x	x	
108	3853	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
109	3855	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x	x	
110	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	
111	3864	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
112	3865	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
113	3866	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
114	3867	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x	x	
115	3869	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
116	3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	

117	3871	Nắn, bó bột gẫy xương gót	x	x	x	
		11. Các kỹ thuật khác				
118	3886	Ghép trong mất đoạn xương	x	x		
119	3887	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	x	x		
120	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	X	X	X	X
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		B. TAI – MŨI – HỌNG				
		C. LỒNG NGỰC - PHỔI - TIM				
121	3975	Phẫu thuật nội soi cắt u trung thất	x			
122	3979	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị teo thực quản: nối ngay	x			
123	3980	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị rò khí-thực quản	x			
124	3981	Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt nối thực quản điều trị hẹp	x			
		D. BỤNG - TIÊU HÓA				
125	4004	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng	x			
126	4048	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ lớn	x	x		
127	4049	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ sơ sinh	x			
128	4068	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		

VII. NỘI TIẾT

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
129	10	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp	x	x		
130	11	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
131	12	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
132	14	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
133	15	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x		
134	17	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x		
135	19	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
136	20	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		

X. NGOẠI KHOA

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. PHẪU THUẬT THẦN KINH - SỌ NÃO				
		II. PHẪU THUẬT NHIỄM TRÙNG				
137	25	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não	x	x		
138	27	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	x	x		
		III. PHẪU THUẬT BỆNH LÝ TỦY SỐNG				
139	52	Phẫu thuật phình động mạch não, dị dạng mạch não	x			
		IV. DỊCH NÃO TỦY				
140	57	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	x	x		

141	58	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dãn não thất	x	x		
142	61	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ-ổ bụng	x	x		
		V. SINH THIẾT				
143	72	Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ	x			
		I. THẬN				
144	320	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes)	x	x		
		IV. NIỆU ĐẠO				
145	364	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ	x			
146	373	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	x	x		
147	374	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	x	x		
		V. SINH DỤC				
148	394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
		D. PHẪU THUẬT TIÊU HÓA				
		I. THỰC QUẢN				
149	419	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản	X	X		
		V. RUỘT THỪA - ĐẠI TRÀNG				
150	518	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	x	x		
151	521	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x			
		VI. TRỰC TRÀNG				
152	532	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tầng sinh môn	x			
153	537	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x		
		VII. TẦNG SINH MÔN				
154	558	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	x			
		E. PHẪU THUẬT GAN - MẬT TỤY				
		I. GAN				
155	617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
		II. ĐƯỜNG MẬT				
156	622	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x		
157	623	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x		
158	632	Nối mật ruột bên - bên	x	x		
159	633	Nối mật ruột tận - bên	x			
160	634	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng	x			
161	638	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x		
		III. TỤY				
162	674	Cắt lách bệnh lý	x	x		
163	675	Cắt lách bán phần	x	x		
164	676	Khâu vết thương lách	x	x	x	
		F. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		I. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH				
165	691	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x		
		G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
		IX. GÃY XƯƠNG CHÀY				
166	782	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x			
		XV. CHẤN THƯƠNG THỂ THAO VÀ CHỈNH HÌNH				
167	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	x	x		

168	900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x		
		XVII. GÃY XƯƠNG TRẺ EM				
169	917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x		
		H. PHẪU THUẬT CỘT SỐNG				
		IV. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
170	1096	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên ***(chỉ thực hiện trong trường hợp chấn thương)***		x		

XI. BỎNG

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG				
171	132	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng > 60% DTCT hoặc có bỏng hô hấp				
172	133	Gây mê thay băng bệnh nhân có diện tích bỏng từ 40 – 60% diện tích cơ thể				
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG				
173	105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x		

XII. UNG BƯỚU

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		E. LỒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI				
174	168	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	x	x		
175	169	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x		
176	178	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	x	x		
177	188	Cắt u trung thất	x	x		
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
178	311	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	x	x		
179	315	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	X			
		M. XẠ TRỊ-HOÁ TRỊ LIỆU				
180	371	Truyền hóa chất nội tủy	X			

XIII. PHỤ SẢN

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		C. SƠ SINH				
181	178	Thay máu sơ sinh	X	X		
182	188	Chọc dò tủy sống sơ sinh	X	X	X	

XIV. MẮT

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN			
			A	B	C	D
183	197	Bơm thông lệ đạo	X	X	X	
184	212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	X	X	X	X
185	215	Rạch áp xe mi	X	X	X	X

XV. TAI MŨI HỌNG

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. TAI – TAI THẦN KINH				
186	20	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	X	X		
187	23	Phẫu thuật tiệt căn xư-ơng chũm cải biên	X	X		
188	26	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mổ tiệt căn xương chũm	X	X		
189	42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	X	X		
		B. MŨI-XOANG				
190	90	Phẫu thuật mở cạnh mũi	X	X		
191	93	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng	X	X		
192	110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	X	X	X	
193	111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	X	X	X	
		C. HỌNG - THANH QUẢN				
194	160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	X	X		
195	184	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng đặt ống	X	X		
196	189	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	X	X		
197	228	A- Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê	X	X	X	
198	234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	X	X		
		D. ĐẦU CỔ				
199	257	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài	X	X		
200	258	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong	X	X		
201	282	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII	X	X		
202	291	Phẫu thuật rò sống mũi	X	X		
203	292	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	X	X		
204	293	Phẫu thuật rò khe mang I	X	X		
205	296	Phẫu thuật rò xoang lê	X	X		
		E. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ				
206	323	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau	X	X		

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. RĂNG				
207	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	X	X	X	

208	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	X	X	X	
209	206	Nhổ răng thừa	X	X	X	
		B. HÀM MẶT				
210	295	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	X	X		

XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI

STT	TT 43/2013 và TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		C. LỒNG NGỰC - PHỔI - TIM MẠCH				
		C1. LỒNG NGỰC - PHỔI				
211	81	Phẫu thuật Nuss kết hợp nội soi điều trị lõm ngực bẩm sinh	x	x		
212	88	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	x	x		
		D. BỤNG - TIÊU HÓA				
		D2. DẠ DÀY				
213	142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		
		D5. RUỘT THỪA				
214	191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x	
		D6. ĐẠI TRÀNG				
215	193	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	x	x		
		D9. ĐƯỜNG MẬT				
216	272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x			
		D11. LÁCH				
217	299	Phẫu thuật nội soi cắt lách bán phần	x			
		Đ. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
		Đ 1. THẬN				
218	344	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	x	x		
219	363	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	x	x		
		Đ 5. SINH DỤC, NIỆU ĐẠO				
220	404	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	x	x		